

Số: 72/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 03,08/05/2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Bà Bùi Thị Thu Hồng;**

Các Thẩm phán : **Ông Ngô Tiến Phong; Ông Nguyễn Đức Lập.**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Ông Nguyễn Khánh Nam** – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: **Ông Lê Đức Phương** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 và 08 tháng 5 năm 2024 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 48/2024/TLPT-HN&GD ngày 02 tháng 4 năm 2024. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 08/2024/HN&GD-ST ngày 29/02/2024 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 95/2024/QĐPT- HN&GD ngày 16/04/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L**, sinh năm 1992, có mặt.

ĐKHKT: **xóm T, thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.**

Nơi tạm trú: **số E, B, ngõ A, phố N, phường N, quận C, thành phố Hà Nội.**

- **Bị đơn: Anh Ngô Văn T**, sinh năm 1991, có mặt.

ĐKHKT: **xóm T, thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.**

Trú tại: **số E, B, ngõ A, phố N, phường N, quận C, thành phố Hà Nội.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và bị đơn là anh **Ngô Văn T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng kí kết hôn ngày 09 tháng 03 năm 2022 tại

UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, anh chị có khoảng thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 07 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T coi thường, không tôn trọng vợ, thường xuyên xúc phạm, chửi mắng và nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình với chị L ngay cả khi chị đang mang thai và nuôi con nhỏ, đã có lần chị L phải làm đơn nhờ công an giải quyết. Từ mâu thuẫn vợ chồng của anh chị mà anh T đã chia tách cháu V với mẹ là chị L và đưa cháu V (dưới 36 tháng tuổi) đang đi học, sinh sống tại Hà Nội về cho ông bà nội đã cao tuổi (trên 70 tuổi) ở quê chăm sóc trong khi anh T vẫn tiếp tục sống và làm việc tại Hà Nội. Mâu thuẫn về mọi mặt khiến cho hôn nhân của anh chị ngày càng căng thẳng, không có sự tôn trọng và gắn kết lẫn nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L xin ly hôn với anh T để sớm ổn định cuộc sống riêng.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Ngô Văn T có 02 con chung là cháu Ngô Tình V1, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2021 và cháu Ngô Thái B, sinh ngày 21/10/2022. Chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả 02 cháu Ngô Tình V1 và Ngô Thái B vì cả 02 cháu đều còn rất nhỏ (đều dưới 36 tháng tuổi). Chị L hiện có căn hộ chung cư được bố mẹ để tặng cho riêng đứng tên chị và có mức lương thu nhập khoảng 15 triệu đồng, nay ly hôn chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/02 cháu/tháng.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Ngô Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị L tự nguyện nộp toàn bộ án phí.

Ngoài ra, chị L không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn - anh Ngô Văn T trình bày: Trong bản tự khai đề ngày 27/11/2023 và trong các biên bản hoà giải tại Toà án, anh Ngô Văn T có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Bị đơn là anh Ngô Văn T trình bày thống nhất quan điểm với chị Nguyễn Thị L về thời gian, điều kiện, địa điểm kết hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa hai vợ chồng như chị L đã trình bày như trên là đúng. Trong quá trình chung sống, anh và chị L đã có những mâu thuẫn và cuộc sống hôn nhân trở nên căng thẳng, anh chị không tìm được tiếng nói chung về mọi mặt trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay, anh T xác nhận tình cảm vợ chồng còn, anh cũng đồng ý ly hôn với chị L.

- Về con chung: Anh xác nhận có 02 con chung là cháu **Ngô Tinh V1**, sinh ngày 29/10/2021 và cháu **Ngô Thái B**, sinh ngày 21/10/2022. Trường hợp ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Ngô Tinh V1**. Anh không yêu cầu chị **L** cấp dưỡng nuôi con chung. Về mức thu nhập hàng tháng của anh **T** là khoảng 10.000.000 VNĐ/tháng (Mười triệu đồng/tháng), hiện nay anh **T** đang không có công việc ổn định nhưng có chỗ ở là nhà đất riêng đứng tên của anh.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và công nợ chung: Anh **T** đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí ly hôn: Anh **Ngô Văn T** đồng ý để chị **L** nộp cả.

Ngoài ra, anh **Ngô Văn T** không có yêu cầu gì khác.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 08/2024/HNGĐ ngày 29/02/2024 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Hà Nội đã Quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị L** và anh **Ngô Văn T**.

2. Về con chung: Giao cháu **Ngô Tinh V1** (sinh ngày 29/10/2021) và cháu **Ngô Thái B** (sinh ngày 21/10/2022) cho chị **L** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **Ngô Văn T** có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/1 cháu/1 tháng, việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 03 năm 2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác thay thế. Anh **Ngô Văn T** có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và công nợ chung: chị **L** và anh **T** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 12/3/2024, bị đơn anh **Ngô Văn T** có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xem xét hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về nơi có thẩm quyền để giải quyết với lý do Tòa án Cầu giấy thụ lý vụ án là không đúng thẩm quyền vì anh không ở Hà Nội mà anh đã về nhà bố mẹ đẻ ở **C, Hải Dương** ở từ lâu. Ngoài ra anh còn kháng cáo về phần con chung và mức cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo. Anh **T** đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm với lý do thời điểm Tòa án Cầu Giấy thụ lý giải quyết vụ án anh đã chuyển về **C, Hải Dương** sinh sống, không còn ở địa chỉ tại nhà ở **N, C, Hà Nội** ở nữa. Do vậy không thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy. Trường hợp nếu không hủy án sơ thẩm thì anh đề nghị được nuôi một con nhỏ vì anh có đủ điều kiện để chăm sóc

con, đối với chị **L** không có công việc ổn định và nhà ở nên một mình nuôi hai con nhỏ sẽ rất vất vả. Hiện tại anh làm nghề tự do nên có thu nhập khoảng 10.000.000VNĐ/tháng (Mười triệu đồng/tháng) nên chỉ có thể cấp dưỡng nuôi con cùng chị **L** với mức 3.000.000 VNĐ/tháng (Ba triệu đồng/tháng).

Chị **L** không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh **T**, chị khẳng định sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại Hà Nội, đến khi xảy ra mâu thuẫn chị làm đơn xin ly hôn thì anh **T** vẫn ở tại địa chỉ **N, C, Hà Nội**, có xác nhận thông tin về cư trú của **Công an phường N** đối với anh **Ngô Văn T**: Thời hạn tạm trú từ 13/9/2023 đến 30/4/2024. Thời điểm chị làm đơn ly hôn anh **T**, chị đã về Hải Dương để gửi đơn nhưng Tòa án Hải Dương không thụ lý vì anh **T** đã lên Hà Nội sinh sống và làm việc từ lâu, không còn ở tại địa phương theo địa chỉ **xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương**. Đối với yêu cầu được nuôi một con chung chị không đồng ý vì các con chung của anh chị còn quá nhỏ đều dưới 36 tháng tuổi, cần có mẹ trực tiếp chăm sóc, chị có công việc và thu nhập ổn định. Về nhà ở: Chị được bố mẹ tặng cho căn hộ ở **Đ, xã T, huyện T, Hà Nội**. Các cháu nhỏ đang được chị nuôi dưỡng phát triển tốt và ổn định. Về việc cấp dưỡng nuôi con nếu anh **T** không có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của người cha đối với con thì chị cũng không có ý kiến gì. Chị đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa quyết định của bản án sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con. Buộc anh **T** phải cấp dưỡng nuôi con cho một cháu với mức 5.000.000 VNĐ/tháng (Năm triệu đồng/tháng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn kháng cáo và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[2] Xét về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm với lý do Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy xét xử không đúng thẩm quyền:

Hội đồng xét xử xét: Chị **Nguyễn Thị L** và anh **Ngô Văn T** tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 09 tháng 03 năm 2022 tại **UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải**

Dương trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng nhau tại Hà Nội. Tại đây anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, tại các buổi làm việc lấy lời khai, hòa giải và tại các phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm anh chị đều xác nhận mâu thuẫn của anh chị là trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, chị **L** xin ly hôn anh **T** cũng đồng ý ly hôn. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, cũng như thực hiện việc tổng đạt giấy triệu tập cho bị đơn là anh **T** đến phiên tòa phúc thẩm đều được gửi đến địa chỉ tại **số E B, ngõ A, phố N, quận C Hà Nội**, anh **T** đều nhận được và có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp và phiên tòa. Hơn nữa theo tài liệu: Giấy xác nhận thông tin về cư trú của **Công an phường N** đối với anh **Ngô Văn T**: Thời hạn tạm trú từ 13/9/2023 đến 30/4/2024. Căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án là nơi bị đơn cư trú. Do vậy, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền, không có căn cứ để hủy án sơ thẩm theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Về tình cảm cả hai anh chị đều xác nhận không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, chị **L** xin ly hôn anh **T** đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã quyết định công nhận thuận tình ly hôn cho hai anh chị là có cơ sở và có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung:

Xét thấy, chị **Nguyễn Thị L** và anh **Ngô Văn T** có 02 con chung là cháu **Ngô Tinh V1**, sinh ngày 29/10/2021 và cháu **Ngô Thái B**, sinh ngày 21/10/2022. Khi ly hôn, chị **L** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu cả 02 cháu, yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con chung 10.000.000 đồng/2 cháu/tháng. Hiện tại chị **L** làm nghề truyền thông có thu nhập bình quân 15.000.000 VNĐ/tháng (Mười lăm triệu đồng/tháng). Chị có căn hộ do bố mẹ chị cho để ba mẹ con chị ở, có mẹ đẻ chị ở cùng để giúp chị chăm sóc con nhỏ. Anh **T** cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Ngô Tinh V1**, không yêu cầu chị **L** cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử nhận thấy các con chung của anh chị hiện nay còn rất nhỏ, đều đang dưới 36 tháng tuổi nên cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Do đó, để đảm bảo cho các cháu bé có đời sống tinh thần, điều kiện vật chất cũng như đảm bảo quyền lợi và sự phát triển toàn diện một cách tốt nhất nên Tòa án sơ thẩm giao cả 02 cháu **Ngô Tinh V1** và cháu **Ngô Thái B** cho chị **L** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh **T** về quyền nuôi con chung.

Đối với mức cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện tại anh **T** làm nghề tự do, có thu nhập là 10.000.000 VNĐ/tháng (Mười triệu đồng/tháng) nên mức cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 VNĐ/tháng (Năm triệu đồng/tháng) /01 cháu là cao so với thu nhập của anh **T**, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của anh **T**, sửa một phần quyết định về mức cấp dưỡng nuôi con. Buộc anh **T** phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **L** cho cả hai cháu là 6.000.000 VNĐ/tháng (Sáu triệu đồng/tháng), mỗi cháu 3.000.000 VNĐ/tháng (Ba triệu đồng/tháng) kể từ tháng 3/2024 đến khi các cháu trưởng thành tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác .

Anh **Ngô Văn T** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Những nội dung khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị được giữ nguyên và có hiệu lực thi hành.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo anh **Ngô Văn T**, sửa quyết định của bản án sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con chung.

Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí: Do chấp nhận một phần kháng cáo của anh **Ngô Văn T** nên căn cứ khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, anh **T** không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2015

Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa quyết định của bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 08/2024/HNGĐ-ST ngày 29/2/2024 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Hà Nội, cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị L** và anh **Ngô Văn T**.

2. Về con chung: Xác định anh chị có hai con chung là cháu **Ngô Tinh V1**, sinh ngày 29/10/2021 và cháu **Ngô Thái B**, sinh ngày 21/10/2022. Giao cả hai cháu **Ngô Tinh V1** và cháu **Ngô Thái B** cho chị **Nguyễn Thị L** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **Ngô Văn T** có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho cả hai con

chung là 6.000.000 VNĐ/ tháng (Sáu triệu đồng/tháng), mỗi cháu là 3.000.000 VNĐ (Ba triệu đồng/tháng), việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 03 năm 2024 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác thay thế.

Anh **Ngô Văn T** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và công nợ chung: chị **L** và anh **T** tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị L** phải nộp 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị **L** đã nộp tại biên lai số 19825 ngày 13/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy. Xác nhận chị **Nguyễn Thị L** đã nộp đủ án phí. Anh **T** phải nộp 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được đối trừ vào số tiền 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh **T** đã nộp theo biên lai số 0000483 ngày 15/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, nay chuyển thành án phí, anh **T** đã nộp đủ án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2024.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận Cầu Giấy, Hà Nội;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, Hà Nội
- UBND xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thu Hồng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thành viên HĐXXThẩm phán- Chủ tọa phiên tòa